THÁNG 12- TUẦN 14

NGÀY DẠY: 09/12/2020, Lớp 9a1, 9a2

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

* ***Kiến thức*:**

- Nắm vững hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính, tiếp tuyến chung của hai đường tròn.

* ***Kĩ năng***:

- Nhận biết được vị trí tương đối của hai đường tròn khi biết độ dài đoạn nối tâm và các bán kính.

* ***Tư duy***:

- Thấy được vị trí tương đối của các vật hình tròn

**II. CHUẨN BỊ:**

Sgk, giáo án, phấn, thước, bảng phụ, phiếu học tập, compa, êke

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động Giáo viên** | **Hoạt động Học sinh** | **Nội dung** |
| **1. Ổn định lớp :**  **2. Kiểm tra bài cũ :**  Nêu các hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính ?  Nhận xét vị trí tương đối của hai đường tròn biết d=10, R=5, r=4  **3. Luyện tập :**  Nhận xét tam giác COA ?  Theo tính chất đường kính và dây cung ta có điều gì ?  Để chứng minh tam giác BAC vuông ta phải chứng minh điều gì ?  Nhận xét IO và IO’ ?  Tính IA ta liên hệ đến hệ thức nào ?  Giữa IA và BC có mối quan hệ ntn ?  **4. Củng cố :**  *Nhắc lại tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau*  **5. Dặn dò :**  Làm các bài tập còn lại | *Nêu các hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính*  Vì d>R+r nên hai đường tròn ngoài nhau  Vì OA là đường kính nên O’C=OACOA vuông tại C hay OC là đường cao của cân OAD nên cũng là đường trung tuyến hay AC=CD  IA=IB, IC=ID AC=BD  AI=BC  Theo tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau ta có : IO là tia phân giác của góc AIB, IO’ là tia phân giác của góc AIC. Mà AIB kề bù với AIC nên IOIO’ hay OIO’=90o  Xét vOIO’ có AI là đường cao nên : IA2=OA.O’A=9.4=36  IA=6  Xét vBAC có AI là đường trung tuyến nên : BC=2IA=2.6 =12 | **36** GT (O) bán kính OA  (O’) đường kính OA  Dây AD của (O) cắt  (O’) tại C  KL a.Xđ vttđ của (O)và(O’)  b. AC=CD  Cm :  **a.** Hai đường tròn (O) và (O’) tiếp xúc trong  **b.** Vì OA là đường kính nên O’C=OACOA vuông tại C hay OC là đường cao của cân OAD nên cũng là đường trung tuyến hay AC=CD  **36** GT Hai đường tròn tâm (O)  Dây AB của đường tròn  lớn cắt đường tròn nhỏ  tại C và D  KL AC=BD  Cm :  Kẻ OIABIA=IB, IC=ID AC=BD  **39** GT (O) và (O’) tiếp xúc  ngoài tại A  Các tiếp tuyến chung  BC, AI ; OA=9, O’A=4  KL a.BAC=90o  b. Tính OIO’  c. Tính BC  Cm :  **a.** Theo tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau ta có : AI=BI=CI  BAC vuông tại A  BAC=90o  **b.** Theo tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau ta có : IO là tia phân giác của góc AIB, IO’ là tia phân giác của góc AIC. Mà AIB kề bù với AIC nên IOIO’ hay OIO’=90o  **c.** Xét vOIO’ có AI là đường cao nên : IA2=OA.O’A=9.4=36  IA=6  Xét vBAC có AI là đường trung tuyến nên : BC=2IA=2.6 =12 |

RÚT KINH NGHIỆM:GV cần ôn tập cho học sinh các dạng chứng minh thường gặp của thi học kì I từ cơ bản đến nâng cao để học sinh nhận biết và thực hiện tốt.

-GV nên chèn thêm các dạng toán thực tế để học sinh củng cố kiến thức và biết áp dụng váo thực tiễn.

THÁNG 12- TUẦN 14

NGÀY DẠY: 09/12/2020, Lớp 9a1, 9a2

**LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

* ***Kiến thức*:**

- Nắm được khái niệm về đường tròn, quan hệ vuông góc giữa đường kính và dây, các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn, tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau ; đường tròn nội tiếp, bàng tiếp tam giác ; vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, của hai đường tròn, tính chất đường nối tâm, hệ thức giữa đoạn nối tâm và các bán kính.

* ***Kĩ năng***:

- Biết vẽ đường tròn khi biết tâm và bán kính, ba điểm ; đường tròn ngoại tiếp, tam giác nội tiếp ; tâm đối xứng, trục đối xứng của đường tròn ; nhận biết được tiếp tuyến của đường tròn, dựng được tiếp tuyến của đường tròn ; nhận biết được sự tương giao giữa đường thẳng và đường tròn, giữa hai đường tròn.

* ***Tư duy***:

- Thấy được các đường tròn trong thực tế, dùng thước phân giác để tìm tâm của một vật hình tròn, số điểm chung của đường thẳng và đường tròn, vị trí tương đối của các vật hình tròn

**II. CHUẨN BỊ:**

Sgk, giáo án, phấn, thước, bảng phụ, phiếu học tập, compa, êke

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động Giáo viên** | **Hoạt động Học sinh** | **Nội dung** |
| **1. Ổn định lớp :**  **2. Kiểm tra bài cũ :**  **3. Ôn tập :**  **1.** Thế nào là đường tròn ngoại tiếp một tam giác ? Nêu cách xác định tâm của đường tròn ngoại tiếp tam giác ?  **2.** Thế nào là đường tròn nội tiếp một tam giác ? Nêu cách xác định tâm của đường tròn nội tiếp tam giác ?  **3.** Chỉ rõ tâm đối xứng của đường tròn, trục đối xứng của đường tròn ?  **4.** Chứng minh định lí : Trong các dây của một đường tròn, dây lớn nhất là đường kính ?  **5.** Phát biểu các định lí về quan hệ vuông góc giữa đường kính và dây ?  **6.** Phát biểu các định lí về liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây ?  **7.** Nêu các vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn. Viết hệ thức giữa d (khoảng cách từ tâm đường tròn đến đường thẳng) và R (bán kính của đường tròn) ?  **8.** Phát biểu định nghĩa tiếp tuyến của đường tròn. Phát biểu tính chất của tiếp tuyến và dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến. Phát biểu các tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau ?  **9.** Nêu các vị trí tương đối của hai đường tròn. Viết hệ thức giữa đoạn nối tâm d với các bán kính R và r ?  **10.** Tiếp điểm của hai đường tròn tiếp xúc nhau có vị trí ntn đối với đường nối tâm ? Các giao điểm của hai đường tròn cắt nhau có vị trí ntn đối với đường nối tâm ?  *Gọi hs đọc các kiến thức cần nhớ*  **4. Củng cố :**  **5. Dặn dò :**  Làm bài 41, 42, 43 trang 128 | **Phát biểu**  Trường hợp dây AB là đường kính. Ta có : AB=2R  Trường hợp dây AB không là đường kính. Ta có : AB<OA+OB=R+R=2R  Vậy : AB2R  *Đọc các kiến thức cần nhớ* | **1.** Đường tròn đi qua ba đỉnh của tam giác gọi là đường tròn ngoại tiếp tam giác  Tâm của đường tròn ngoại tiếp tam giác là giao điểm của ba đường trung trực  **2.** Đường tròn tiếp xúc với ba cạnh của tam giác gọi là đường tròn nội tiếp tam giác  Tâm của đường tròn nội tiếp tam giác là giao điểm của ba đường phân giác  **3.** Tâm của đường tròn là tâm đối xứng. Bất kì đường kính nào cũng là trục đối xứng của đường tròn đó  **4.** Trường hợp dây AB là đường kính. Ta có : AB=2R  Trường hợp dây AB không là đường kính. Ta có : AB<OA+OB=R+R=2R  Vậy : AB2R  **5.** Trong một đường tròn, đường kính vuông góc với một dây thì đi qua trung điểm của dây ấy  Trong một đường tròn, đường kính đi qua trung điểm của một dây không đi qua tâm thì vuông góc với dây ấy  **6.** Trong một đường tròn :  Hai dây bằng nhau thì cách đều tâm  Hai dây cách đều tâm thì bằng nhau  Trong hai dây của một đường tròn :  Dây nào lớn hơn thì dây đó gần tâm hơn  Dây nào gần tâm hơn thì dây đó lớn hơn  **7.**   |  |  | | --- | --- | | Đt và đtr cắt nhau  Đt và đtr tx nhau  Đt và đtr không giao nhau | d<R  d=R  d>R |   **8.** Đường thẳng tiếp xúc với đường tròn gọi là tiếp tuyến của đường tròn  Nếu một đường thẳng là tiếp tuyến của một đường tròn thì nó vuông góc với bán kính đi qua tiếp điểm  Các dấu hiệu nhận biết :  Nếu một đường thẳng và một đường tròn chỉ có một điểm chung thì đường thẳng đó là tiếp tuyến của đường tròn  Nếu khoảng cách từ tâm của một đường tròn đến đường thẳng bằng bán kính của đường tròn thì đường thẳng đó là tiếp tuyến của đường tròn  Nếu một đường thẳng đi qua một điểm của đường tròn và vuông góc với bán kính đi qua điểm đó thì đường thẳng ấy là một tiếp tuyến của đường tròn  Nếu hai tiếp tuyến của một đường tròn cắt nhau tại một điểm thì :  Điểm đó cách đều hai tiếp điểm  Tia kẻ từ điểm đó đi qua tâm là tia phân giác của góc tạo bởi hai tiếp tuyến  Tia kẻ từ tâm đi qua điểm đó là tia phân giác của góc tạo bởi hai bán kính đi qua các tiếp điểm  **9.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Vị trí tương đối của 2 đtr | Số điểm chung | Hệ thức giữa d, R, r | | Cắt nhau  Tiếp xúc ngoài  Tiếp xúc trong  (O;R) đựng (O’;r)  (O;R) và (O’;r) nn | 2  1  1  0  0 | R-r<d< R+r  d=R+r  d=R-r  d<R-r  d>R+r |   **10.** Nếu hai đường tròn cắt nhau thì hai giao điểm đối xứng với nhau qua đường nối tâm, tức là đường nối tâm là đường trung trực của dây chung  Nếu hai đường tròn tiếp xúc nhau thì tiếp điểm nằm trên đường nối tâm |

RÚT KINH NGHIỆM: GV cần ôn tập cho học sinh các dạng chứng minh thường gặp của thi học kì I từ cơ bản đến nâng cao để học sinh nhận biết và thực hiện tốt.

-GV nên chèn thêm các dạng toán thực tế để học sinh củng cố kiến thức và biết áp dụng váo thực tiễn.